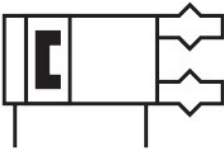


**Xy lanh kẹp ba chấu**  
**DHDS-32-A**  
Số bộ phận: 1259493



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                   | 32                                                                                                                                          |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                  | 3.9 mm                                                                                                                                      |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                                 | 0.2 mm                                                                                                                                      |
| Bộ gắp tối đa hàm góc chơi riu, ay                           | 0.2 °                                                                                                                                       |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                       | 0.02 mm                                                                                                                                     |
| đối xứng quay                                                | 0.2 mm                                                                                                                                      |
| Độ chính xác lặp lại kẹp                                     | 0.04 mm                                                                                                                                     |
| Số chấu kẹp                                                  | 3                                                                                                                                           |
| Vị trí lắp đặt                                               | bất kì                                                                                                                                      |
| Nguyên tắc vận hành                                          | tác động kép                                                                                                                                |
| Chức năng kẹp                                                | 3 điểm                                                                                                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                            | Cần điều khiển<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức                                                                                               |
| Phát hiện vị trí                                             | cho các công tắc gần                                                                                                                        |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)                | 405 N                                                                                                                                       |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 345 N                                                                                                                                       |
| Áp suất vận hành                                             | 2 bar...8 bar                                                                                                                               |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                               | 4 Hz                                                                                                                                        |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)             | 44 ms                                                                                                                                       |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 51 ms                                                                                                                                       |
| Môi chất vận hành                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                         | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                                                                    |
| Tuân thủ LABS                                                | VDMA24364-B2-L                                                                                                                              |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion                          | Các kim loại có hơn 5% trọng lượng đồng không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là bo mạch, đường dây, bộ kết nối điện và cuộn dây |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                               | 5 °C...60 °C                                                                                                                                |
| Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)   | 135 N                                                                                                                                       |
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 115 N                                                                                                                                       |
| Mô-men quán tính khối lượng                                  | 0.79 kgcm <sup>2</sup>                                                                                                                      |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                              | 150 N                                                                                                                                       |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh          | 9 N m                                                                                                                                       |

| Đặc tính                                          | Giá trị                         |
|---------------------------------------------------|---------------------------------|
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tính            | 9 N m                           |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tính            | 9 N m                           |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng   | 10 triệu lượt                   |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài | 150 g                           |
| trọng lượng sản phẩm                              | 276 g                           |
| Kiểu gắn                                          | với ren trong và chốt khớp      |
| Cổng nối khí nén                                  | M5                              |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                   |
| Vật liệu nắp che                                  | PA                              |
| Vật liệu vỏ                                       | Hợp kim nhôm rèn, hóa anốt cứng |
| Hàm kẹp vật liệu                                  | thép hợp kim không gỉ           |